

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH Đ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/DS-ST
Ngày: 14-10-2022
V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân - Thư ký TAND thành phố S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa:

Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố S, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST-DS ngày 28/3/2022 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-DS ngày 08/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2022/QĐST-DS ngày 27/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Phường V, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Trúc M - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch S.

Địa chỉ: Phường Y, thành phố S, tỉnh Đ.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021).

2. Bị đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khóm H, Phường Y, thành phố S, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa:

- Bà Lương Trúc M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt.
- Bị đơn - ông Lý Văn T vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S (Sacombank), quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Lương Trúc M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch S (gọi tắt là “Ngân hàng”) có cho ông Lý Văn T vay 02 khoản với hình thức và nội dung cụ thể:

- Khoản vay tín chấp: Theo hợp đồng tín dụng số: LD:1717200129 và Giấy nhận nợ số: 01, cùng ngày 21/6/2017, Ngân hàng cho ông T vay số tiền 100.000.000đ với mục đích sử dụng: tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng (thời hạn trả nợ ngày 21/6/2022); lãi suất vay 9%/năm; phương thức trả nợ: vốn và lãi chia đều trả vào ngày 25 hàng tháng. Sau khi vay, ông T có trả vốn, lãi cho Ngân hàng 23 kỳ theo lịch trả nợ. Do ông T không tiếp tục trả nợ và vi phạm Hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc 60.016.000đ sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/7/2019.

- Thẻ tín dụng: Theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 937337 ngày 22/6/2017, Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 15.000.000đ; không có thế chấp tài sản bảo đảm, với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông T; lãi suất cho vay thông qua phát hành Thẻ bao gồm lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng và lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn; thông báo giao dịch vào ngày 30 hàng tháng. Sau khi cấp Thẻ, ông T đã thực hiện các lần giao dịch với tổng số tiền là 15.659.038đ và đã thanh toán lại cho Ngân hàng tổng số tiền 9.920.000đ rồi ngưng. Tính đến ngày 30/6/2019, dư nợ cuối kỳ là 13.044.434đ.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T trả các khoản trả nợ, cụ thể:

- Khoản vay tín chấp: nợ gốc 60.016.000đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/9/2022 là 55.668.143đ (trong đó: lãi trong hạn là 27.000.000đ và lãi quá hạn, lãi phạt là 28.668.143đ); tổng cộng là 115.684.143đ.

- Thẻ tín dụng: nợ gốc 13.044.434đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/9/2022 là 19.289.998đ (trong đó: lãi trong hạn là 6.429.999đ và lãi quá hạn, lãi phạt là 12.859.999đ); tổng cộng là 32.334.432đ.

Như vậy, tổng cộng nợ gốc của hai khoản vay là 73.060.434đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/9/2022 là 74.958.141đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 26/9/2022 theo các Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, ông Lý Văn T không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không có tin tức. Đồng thời, Ngân hàng đã thực

hiện đầy đủ thủ tục đăng báo, nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng ông T vẫn không liên lạc với Ngân hàng và cũng không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng ông T không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lý Văn T trả cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc tổng cộng là 73.060.434đ và nợ lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng ngày 21/6/2017 và Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/6/2027 từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật (có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ vay, xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, ông Lý Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu ông Lý Văn T trả nợ gốc của hai khoản vay tổng cộng là 73.060.434đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/9/2022 là 74.958.141đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 26/9/2022 theo các Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng, HĐXX nhận định như sau:

[2.1]. Về xác lập Hợp đồng và nợ gốc:

[2.1.1]. Căn cứ nội dung Hợp đồng tín dụng số: LD:1717200129 và Giấy nhận nợ số: 01, cùng ngày 21/6/2017 thể hiện: Ông Lý Văn T vay của Ngân hàng

số tiền 100.000.000đ bằng hình thức tín chấp, mục đích sử dụng: tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay 9%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 26/7/2019 Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc 60.016.000đ sang nợ quá hạn theo Hợp đồng đã ký kết.

[21.2]. Căn cứ nội dung Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/6/2017 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thể hiện: Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 15.000.000đ; không có thế chấp tài sản bảo đảm, với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông T; lãi suất cho vay thông qua phát hành Thẻ bao gồm lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng và lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 30/6/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc 13.044.434đ sang nợ quá hạn theo Hợp đồng đã ký kết.

[2.1.3]. Về nghĩa vụ chứng minh: Tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó...”. Theo đó, từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, ông Lý Văn T không nộp văn bản ghi ý kiến và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Đối chiếu quy định đã viện dẫn, Hội đồng xét xử công nhận chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp. Từ đó, đủ cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng và ông Lý Văn T có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung các Hợp đồng đã ký kết.

[2.1.4]. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”.

Như vậy, đối chiếu quy định đã viện dẫn và nội dung Hợp đồng đã ký kết, việc Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ gốc của hai khoản vay tổng cộng 73.060.434đ (trong đó: khoản vay tín chấp là 60.016.000đ và khoản Thẻ tín dụng là 13.044.434đ) là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2]. Về nợ lãi:

[2.2.1]. Đối với khoản vay tín chấp, hai bên thỏa thuận lãi suất là 9%/tháng và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Đồng thời, theo thỏa thuận cấp Thẻ tín dụng: lãi suất cho vay thông qua phát hành Thẻ bao gồm lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng và lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

[2.2.2]. Như vậy, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, nợ quá hạn. Căn cứ Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, HĐXX xét thấy: Sự thỏa thuận giữa các bên về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ lãi của 02 khoản vay tạm tính đến ngày 25/9/2022 tổng cộng là 74.958.141đ (trong đó: khoản vay tín chấp là 55.668.143đ và khoản Thẻ tín dụng là 19.289.998đ) và tiếp tục tính lãi từ ngày 26/9/2022 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Mặt khác, quá trình thực hiện các Hợp đồng, ông Lý Văn T bỏ địa phương đi đâu, làm gì không rõ tin tức nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm thỏa thuận các Hợp đồng đã ký kết. Mặc dù, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ thủ tục đăng báo, nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng ông T vẫn không liên lạc với Ngân hàng và cũng không đến Tòa án để giải quyết. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao: *“Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch dân sự, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung”*.

[2.4]. Từ những nhận định như trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lý Văn T trả cho Ngân hàng nợ gốc tổng cộng là 73.060.434đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/9/2022 là 74.958.141đ; tổng cộng gốc, lãi là 148.018.575đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 26/9/2022 theo các Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

[5]. Về chi phí đăng báo, nhấn tin:

Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Lý Văn T phải chịu toàn bộ chi phí đăng báo, nhấn tin tổng số tiền 2.550.000đ. Số tiền này, Ngân hàng đã nộp tạm ứng đủ và chi xong. Do đó, ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.550.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các điều 91, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Lý Văn T trả cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc tổng cộng là 73.060.434đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/9/2022 là 74.958.141đ; tổng cộng gốc, lãi là 148.018.575đ. (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/9/2022, ông Lý Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Sacombank thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Sacombank theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Sacombank.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lý Văn T chịu 7.400.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.440.546đ theo biên lai số 0000692 ngày 28/3/2022 và 300.000đ theo biên lai số 0001028 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

3. Về chi phí đăng báo, nhắn tin:

Ông Lý Văn T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.550.000đ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. S;
- TAND tỉnh Đ;
- Chi cục THA dân sự Tp. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hoàng Anh